

Bản án số: 65/2024/DS-PT

Ngày 21/3/2024

V/v V/v “Tranh chấp HĐ đặt cọc, thực hiện
nghĩa vụ trả tiền và kiện đòi tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Đỗ Thị Thúy Năng.
Trần Hữu Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 211/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và hợp đồng thi công xây dựng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2023/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 69/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 70/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị L. Sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đ; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đinh Ngọc T. Sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn B 1, xã H, huyện H, thành phố Đ. Người đại diện theo ủy quyền của ông bị đơn: Ông Huỳnh Công Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 39D đường 20, phường P, thành phố T, thành phố H (Giấy ủy quyền ngày 11/7/2023). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đinh P, sinh năm 1931; địa chỉ: Thôn B 1, xã H, huyện H, thành phố Đ; vắng mặt.

2. Ông Đinh Văn A, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 60 đường L, phường A, quận S, thành phố Đ; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Đức M, địa chỉ: Thôn B 1, xã H, huyện H, thành phố Đ; vắng mặt.
2. Ông Đinh C, sinh năm 1949; địa chỉ: Số 46A đường L, phường A, quận S, thành phố Đ; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, thành phố Đ; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Đặng Thị L là nguyên đơn. Ông Đinh Ngọc T là bị đơn trong vụ án.

- *Người kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn là bà Đặng Thị L trình bày:* Ngày 02/5/2021, bà Đặng Thị L với ông Đinh Ngọc T có thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 53, tờ bản đồ số 06, diện tích 351m² với giá 1.800.000.000 đồng, bà L và ông Đinh Ngọc T lập hợp đồng đặt cọc tại nhà ông Trần Đức M ở thôn Bồ Bản 1, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng, còn lại 1.750.000.000 đồng. Sau đó, vào ngày 02/10/2022, bà L và ông T có thỏa thuận với nhau về trách nhiệm của các bên để đi đến công chứng chuyển nhượng thửa đất trên, theo đó: Bà L có trách nhiệm làm hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, san lấp, mặt bằng, làm đường bê tông. Gia đình ông T có trách nhiệm ký các giấy tờ liên quan và cam kết không tranh chấp. Hai bên thỏa thuận khi nào làm xong thủ tục và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng thì hai bên sẽ đi công chứng chuyển nhượng. Sau ngày đặt cọc, bà L có đưa thêm cho ông Đinh Ngọc T số tiền 25.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà L đã đặt cọc là 75.000.000 đồng. Tuy nhiên, thời điểm thỏa thuận mua bán đặt cọc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.610,0m²; địa chỉ tại thôn Bồ Bản 1, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa trên chưa thể hiện đường ven sông. Sau khi bà L hoàn thành xong việc san lấp mặt bằng, làm đường bê tông, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa số 3, tờ bản đồ số 34, diện tích còn lại là 2.376,8m² (sổ cấp vào ngày 20/6/2022). Sau đó, bà L tiếp tục làm hồ sơ tách ra 03 thửa, phần thửa ông T bán cho bà L là thửa 483, tờ bản đồ số 34, với diện tích là 340m², trong đó có 240m² đất ở, còn lại là đất trồng cây (sổ cấp ngày 09/3/2023). Sau khi hồ sơ hoàn tất thì gia đình ông T lại báo mất giấy hẹn để nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không thông báo cho bà L biết. Gia đình ông T đã nhắn tin không thiện chí chuyển nhượng thửa đất trên cho bà L nữa nên bà L khởi kiện ông Đinh Ngọc T với các nội dung sau: Yêu cầu ông Đinh Ngọc T trả số tiền đặt cọc là 75.000.000 đồng và tiền phạt cọc là 75.000.000 đồng; tổng 150.000.000 đồng. Yêu cầu ông Đinh Ngọc T thanh toán số tiền chi phí san lấp mặt bằng, làm đường bê tông tại thửa đất số 53 tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Thôn Bồ Bản 1, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với số tiền là 300.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Xin rút yêu cầu ông T trả số tiền cọc 25.000.000 đồng và tiền phạt cọc 25.000.000 đồng, còn lại yêu cầu

ông T trả 50.000.000 đồng tiền cọc và 50.000.000 đồng tiền phạt cọc; tổng số tiền cọc yêu cầu phải trả là 100.000.000 đồng. Điều chỉnh số tiền cọc 20.000.000 đồng thành tiền nợ phải trả. Như vậy, tổng số tiền bà L yêu cầu ông T phải trả và tiền cọc là 120.000.000 đồng. Đối với số tiền đề nghị san lấp mặt bằng 300.000.000 đồng vẫn giữ nguyên.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Huỳnh Công Đ trình bày như sau: Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L vì lý do, theo nội dung hợp đồng đặt cọc hẹn 20 ngày kể từ ngày có Giấy chứng nhận thì phải ra công chứng. Ngày 14/7/2023, ông T được đứng tên trên Giấy chứng nhận, ngày 05/9/2023, ông T cung cấp và thông báo cho bà L được biết đề hẹn 20 ngày là ngày 26/9/2023 ra Văn phòng Công chứng Trần Thị Thanh Bông để công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất), nhưng bà L không thực hiện nên bà L đã vi phạm hợp đồng.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2023/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định: Căn cứ Điều 117, 122, 280, 328, 407, 408, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 138, 139 Luật xây dựng năm 2014, sửa đổi năm 2020; Điều 227, 229, 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên bố:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L đối với ông Đinh Ngọc T về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc và Hợp đồng thi công xây dựng*”.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị L đối với việc xin rút 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*) tiền cọc và 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*) tiền phạt cọc.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L đối với ông Đinh Ngọc T về việc yêu cầu buộc ông T trả số tiền phạt cọc 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) và tiền thi công công trình 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*). Xử:

Buộc ông Đinh Ngọc T trả lại cho bà Đặng Thị L số tiền 270.000.000 đồng (*hai trăm bảy mươi triệu đồng*); trong đó, tiền cọc 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*), tiền mượn 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) và tiền thi công công trình là 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Đinh Ngọc T phải chịu tiền án phí là 13.500.000 đồng (*mười ba triệu, năm trăm ngàn đồng*). Buộc nguyên đơn bà Đặng Thị

L phải chịu tiền án phí do yêu cầu không được chấp nhận là 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 11.000.000 đồng (*mười một triệu đồng*) bà L đã nộp tại biên lai thu số 0009957 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Hoàn trả lại cho bà L số tiền 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm ngàn đồng*).

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng, Chi phí đo đạc bản đồ 2.296.161 đồng, Chi phí thẩm định giá là 5.000.000 đồng; tổng tiền chi phí tố tụng là 10.296.161 đồng (*mười triệu, hai trăm chín sáu ngàn, một trăm sáu một đồng*) bà L đã nộp và chi xong nên ông T phải trả lại cho bà L số tiền 10.296.161 đồng (*mười triệu, hai trăm chín sáu ngàn, một trăm sáu một đồng*). Hoàn trả cho bà L tiền tạm ứng chi phí đo đạc bản đồ nộp dư là 4.703.839 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2023, bà Đặng Thị L có đơn kháng cáo đề nghị xem xét chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà với số tiền 200.000.000 đồng và không chấp nhận số tiền còn lại là 100.000.000 đồng là không đúng nên đề nghị sửa bản án theo hướng buộc ông Đinh Ngọc T phải trả lại cho bà số tiền bà bỏ ra san lấp mặt bằng, dọn dẹp... 300.000.000 đồng. Các nội dung khác bà không kháng cáo. Ngày 27/02/2024, bà Đặng Thị L rút đơn kháng cáo.

Ngày 27/9/2023, ông Đinh Ngọc T kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 12/10/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang ban hành Quyết định số: 02/QĐ-VKS-DS đề Kháng nghị một phần Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo hướng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm để xác định lại quan hệ tranh chấp đối với số tiền 300.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu là “*Yêu cầu đòi lại tài sản*”. Buộc bị đơn ông Đinh Ngọc T phải trả cho nguyên đơn bà Đặng Thị L chi phí làm hồ sơ, san lấp mặt bằng, đổ đất, làm đường bê tông với số tiền 300.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Đặng Thị L thì thấy: Ngày 27/02/2024, bà Đặng Thị L có đơn rút đơn kháng cáo và gửi kèm theo văn bản thỏa thuận nhận tiền. Xét thấy việc rút đơn là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị L.

[2] Xét kháng cáo của ông Đinh Ngọc T thì thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đinh Ngọc T và người đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Huỳnh Công Đ đã rút

toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Xét thấy việc rút đơn là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Ngọc T.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thì thấy: Do nguyên đơn, bị đơn đều rút toàn bộ nội dung kháng cáo nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng rút một phần kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2023/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L đối với ông Đinh Ngọc T liên quan đến số tiền 300.000.000 đồng mà bà L đã bỏ ra san lấp mặt bằng, làm trụ bê tông và làm đường bê tông nên HĐXX đình chỉ một phần kháng nghị. Đối với quan hệ tranh chấp, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên kháng nghị lý do cấp sơ thẩm đã xác định số tiền 300.000.000 đồng mà bà L yêu cầu là quan hệ tranh chấp Hợp đồng thi công là không đúng, bởi lẽ việc thi công trên là do ông Đỗ Văn P và ông Nguyễn Văn T xây dựng thực hiện và giữa họ cùng bà L không có tranh chấp gì. Bà L yêu cầu ông T trả lại số tiền 300.000.000 đồng đã xây dựng là quan hệ đòi lại tài sản. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang kháng nghị là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận. Vì vậy, HĐXX xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp Hợp đồng đặt cọc, phạt cọc, đòi tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[4] Do các đương sự kháng cáo đều rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng rút một phần kháng nghị nên các nội dung khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí DSST: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về các chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng; Chi phí đo đạc bản đồ 2.296.161 đồng; Chi phí thẩm định giá là 5.000.000 đồng; tổng tiền chi phí tố tụng là 10.296.161 đồng bà L đã nộp và chi xong nên ông T phải trả lại cho bà L số tiền 10.296.161 đồng. Hoàn trả tiền đo đạc còn thừa cho bà L.

[7] Do rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên bà Đặng Thị L; ông Đinh Ngọc T không phải chịu án phí DSPT.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang. Sửa Bản án sơ thẩm số: 70/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 về quan hệ tranh chấp là *“Tranh chấp Hợp đồng đặt cọc, phạt cọc, đòi tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị L.
2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Ngọc T.
3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐ-VKS-DS ngày 12/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2023/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng về số tiền bà Đặng Thị L yêu cầu ông Đinh Ngọc T trả 300.000.000 đồng.

4. Chấp nhận một phần kháng nghị phúc thẩm số: 02/QĐ-VKS-DS ngày 12/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2023/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng về quan hệ tranh chấp đối với số tiền 300.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu là “*Yêu cầu đòi lại tài sản*”.

5. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2023/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng về quan hệ tranh chấp “*Yêu cầu đòi lại tài sản*”.

6. Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực thi hành. Bao gồm:

6.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị L đối với bị đơn ông Đinh Ngọc T về việc “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc, phạt cọc, thực hiện nghĩa vụ trả tiền và đòi lại tài sản*”.

6.1.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị L đối với tiền cọc 25.000.000 đồng và tiền phạt cọc 25.000.000 đồng.

6.1.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị L đối với ông Đinh Ngọc T về việc yêu cầu buộc ông T phải trả số tiền phạt cọc 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) và đòi số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) trong tổng số tiền 300.000.000 đồng mà bà L đã bỏ tiền ra thi công công trình.

6.1.3. Buộc ông Đinh Ngọc T phải trả lại cho bà Đặng Thị L số tiền 270.000.000 đồng (*hai trăm bảy mươi triệu đồng*); trong đó, tiền cọc 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*), tiền mượn 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*) và số tiền 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) mà bà L đã bỏ tiền ra thi công công trình.

6.1.4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6.1.5. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Đinh Ngọc T phải chịu tiền án phí là 13.500.000 đồng (*mười ba triệu, năm trăm ngàn đồng*). Buộc bà Đặng Thị L phải chịu tiền án phí do yêu cầu không được chấp nhận là 7.500.000 đồng (*bảy triệu năm trăm ngàn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 11.000.000 đồng (*mười một triệu đồng*) bà L đã nộp tại biên lai thu số 0009957 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Hoàn trả lại cho bà L số tiền 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm ngàn đồng*).

6.1.6. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí tố tụng là 10.296.161 đồng (*mười triệu, hai trăm chín sáu ngàn, một trăm sáu một đồng*) bà L đã nộp và chi xong nên buộc ông T phải trả lại cho bà L số tiền 10.296.161 đồng (*mười triệu, hai trăm chín sáu ngàn, một trăm sáu một đồng*). Hoàn trả cho bà L tiền tạm ứng chi phí đo đạc bản đồ nộp dư là 4.703.839 đồng.

7. Án phí DSPT: Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị L tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000520 ngày 12/10/2023 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả lại cho ông Đinh Ngọc T tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000522 ngày 12/10/2023 tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé